

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: TOÁN - LỚP 10***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 01/10/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: T10.CK1.059**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Một mẫu gồm 3 số nguyên không âm, có số trung bình bằng 11. Các mẫu chỉ khác thứ tự các số liệu được xem là cùng một mẫu. Trung vị lớn nhất có thể bằng bao nhiêu?

- A. 11 B. 33 C. 16 D. 17

Câu 2. Mẫu số liệu đã sắp xếp là (4; 7; 8; 11; 13; 14; 17; 19; 22; 23; 24). Thay riêng giá trị 24 bằng 60 rồi sắp xếp lại. Trong các đại lượng sau, đại lượng nào không đổi?

- A. Khoảng biến thiên B. Số trung bình cộng C. Phương sai D. Khoảng tứ phân vị

Câu 3. Một đại lượng có giá trị đúng $a = 82392$, phép đo cho số gần đúng $\bar{a} = 82382$. Sai số tuyệt đối của phép đo bằng

- A. 40 B. 10 C. -10 D. 164774

Câu 4. Trong mặt phẳng Oxy , cho $\vec{u} = (a; 5)$, $\vec{v} = (6; b)$ và $4\vec{u} - \vec{v} = (14; 23)$. Giá trị $a + b$ bằng

- A. 2 B. 8 C. 48 D. 17

PHẦN II. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 5. Biết $\cos \alpha = -\frac{\sqrt{2}}{2}$ với $0^\circ \leq \alpha \leq 180^\circ$. Tìm số đo α , đơn vị độ.

Câu 6. Vectơ $\vec{w} = (x; y)$ trong mặt phẳng Oxy chưa biết, thỏa $\vec{w} \cdot (-3; -1) = -5$ và $\vec{w} \cdot (4; 3) = 0$. Tính độ dài $|\vec{w}|$.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 7. Hai quy trình được thử cùng 11 lần, mỗi lần ghi khối lượng mỗi gói theo gam:

Lần đo	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
máy A	46	52	50	95	49	51	51	51	47	50	46
máy B	49	47	54	52	55	48	54	55	50	51	51

Biên bản đối chiếu sổ gốc xác nhận **lần đo thứ 4 của máy A là một lỗi nhập liệu** mọi số liệu còn lại đều đúng. Dữ liệu đã hiệu chỉnh là dữ liệu sau khi bỏ đúng lần đo ấy. Quy ước: Q_1 là trung vị của nửa dưới và Q_3 là trung vị của nửa trên, không kể số trung vị khi cỡ mẫu lẻ; độ lệch chuẩn tính theo công thức chia cho cỡ mẫu.

Câu 8. Tam giác ABC có diện tích 140 cm^2 . Điểm M trên AB thỏa $AM : MB = 4 : 3$ điểm N trên AC thỏa $AN : NC = 1 : 3$. Tính diện tích tam giác AMN theo cm^2 .